

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -12 - 2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Hà Quang Văn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Phượng.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐ-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và Anh Bùi Văn H kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 06/10/2006 trên

cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình chị tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt. Nguyên nhân chính là do anh H thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, mặc dù được gia đình và chính quyền can thiệp nhiều lần nhưng anh H vẫn không bỏ được tật uống rượu và bạo lực với chị. Năm 2019 chị đã làm đơn ra Tòa nhưng sau chị nghĩ cho anh H cơ hội để sửa chữa nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy. Hiện anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung là các cháu: Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007; Bùi Thúy H sinh ngày 16/8/2011. Hiện cả hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, vì bản thân anh H không có nhà cửa, rượu chè không đủ điều kiện nuôi các cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Bùi Văn H thể hiện tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 17/11/2020, cụ thể: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị K trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ở rể từ đó chị K và mẹ chị K coi thường và thường xuyên chửi bới xúc phạm anh. Việc anh tát chị K là có, tuy nhiên khi anh tát thì chị K cũng đánh lại anh. Nay chị K xin ly hôn anh mong chị K vì con cái mà nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị K cương quyết thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh xác định anh và chị K có 02 con chung là Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007, cháu Bùi Thúy H sinh ngày 16/8/2011. Nếu chị K cương quyết ly hôn thì anh đề nghị mỗi người nuôi một cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu.

Ý kiến của các cháu Bùi Thành Đ và Bùi Thúy Hồng: Các cháu đều có nguyện vọng xin tiếp tục ở với chị K nếu chị K và anh H ly hôn, vì các cháu cho rằng anh H hay uống rượu say nên ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị K. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên đối với Anh Bùi Văn H mặc dù có mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng rất nhiều lần Tòa án báo gọi thì anh chỉ đến 1 lần và không đến nữa, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Y thì hiện nay anh H vẫn có hộ khẩu và đang sinh sống tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị K theo ủy ban nắm được là do kinh tế, do không hợp nhau, do khi lấy nhau hai bên chưa tìm hiểu kỹ. Bản thân anh H hay uống rượu say về chửi bới chị K dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H, xin tiếp tục nuôi con chung là các cháu Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007; Bùi Thúy H sinh ngày 16/8/2011. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị K. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị K và Anh Bùi Văn H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007; Bùi Thúy Hsinh ngày 16/8/2011 cho chị Ktiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. anh Hkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kiêm.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sựhuyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã Y,huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dânhuyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị K và Anh Bùi Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Nguyên nhân chính là do anh Hthường xuyên uống rượu say có những lời nói, cử chỉ và hành động không đúng mực với chị Kvà các con. Điều này được chứng minh qua lời khai của chị Kiêm, cháu Đạt, cháu Hồng và báo cáo của chính quyền địa phương. Cuộc sống vợ chồng của chị Kvà anh Hthường xảy ra xung đột và kéo dài từ năm 2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kvới anh Hlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: chị K và anh H có 02 con chung là Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007, cháu Bùi Thúy H sinh ngày 16/8/2011. Nguyên vọng của chị K xin tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. anh H cũng có nguyên vọng nuôi 1 cháu nhưng anh không nói rõ muốn nuôi cháu nào. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị K khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Đạt và cháu Hồng hiện đang đi học và có nguyên vọng tiếp tục ở với chị K. Mặt khác anh H thường xuyên uống rượu say đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của các cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của hai cháu nên giao cả hai cháu cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị K không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị K. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị K và Anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Thành Đ sinh ngày 06/5/2007, cháu Bùi Thúy H sinh ngày 16/8/2011 (Hiện cả hai cháu đang ở với chị K) cho chị K tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2018/0000661 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K và Anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh